

V + V ing	V + TO V	V+ SB + TO V	V + sb + V -bare inf
avoid (tránh ) admit (thừa nhận ) advise (khuyến nhủ ) appreciate (đánh giá ) complete ( hoàn thành ) consider ( xem xét ) continue(tiếp tục)=go on= keep on( tiếp tục) delay ( trì hoãn ) deny ( từ chối ) ≠ give up(tỏ bả) discuss ( thảo luận ) dislike ( không thích )=hate enjoy ( thích )=like=feel like=love finish ( hoàn thành )) mention ( đề cập ) mind ( phiền , ngại ) miss ( nhớ , bỏ lỡ ) postpone ( trì hoãn ) practice (luyện tập ) quit (nghỉ , thôi ) recall ( nhắc nhở , nhớ ) recollect ( nhớ ra ) recommend (nhắc nhở ) regret ( tiếc rang)Ving = be sorry about Ving= be sorry sb for Ving resent (bực tức ) resist (kháng cự ) risk ( rủi ro ) spend (su dụng thời gian,) suggest ( đề nghị ) tolerate ( tha thứ ) understand ( hiểu ) can't help (ko thể tránh / nhin được ) can't stand ( ko thể chịu đựng đc ) can't bear ( ko thể chịu đựng đc ) It is no use / It is no good ( vô ích) would you mind(có làm phiền...k) to be used to ( quen với ) to be / get accustomed to (dần quen với ) to be busy ( bận rộn ) to be worth ( xứng đáng ) to look forward to (trông mong ) to have difficulty(in)/ fun / trouble to have a difficult (in) time	afford (đủ khả năng) agree (đồng ý ) appear ( xuất hiện ) arrange ( sắp xếp ) ask ( hỏi , yêu cầu ) beg ( nài nỉ , van xin) care ( chăm sóc ) claim (đòi hỏi,yêu cầu) consent ( bằng lòng ) decide ( quyết định ) demand ( yêu cầu ) deserve ( xứng đáng) expect ( mong đợi ) fail ( thất bại ) hesitate (do dự ) hope (hi vọng ) learn ( học ) manage (sắp xếp ) mean (ý định ) need ( cần ) offer ( đề nghị ) plan ( lên kế hoạch ) prepare ( chuẩn bị ) pretend ( giả vờ ) promise ( hứa ) refuse ( từ chối ) seem ( dường như ) struggle ( đấu tranh ) swear ( xin thề ) threaten ( đe dọa ) volunteer ( tình nguyện ) wait ( đợi ) want ( muốn ) wish ( mong )	advise (khuyến ) allow ( cho phép ) ask ( yêu cầu ) beg ( van xin ) cause ( gây ra ) challenge ( thách thức ) convince ( thuyết phục ) dare ( dám ) encourage ( khuyến khích ) expect ( mong đợi ) forbid ( cấm ) force ( buộc ) hire ( thuê ) instruct ( hướng dẫn ) invite ( mời ) need ( cần ) order ( ra lệnh ) permit ( cho phép ) persuade ( thuyết phục ) remind ( nhắc nhở ) require ( đòi hỏi ) teach ( dạy ) tell( báo ) urge ( thúc giục ) want ( muốn ) warn ( báo trước ) Ex: She allowed me to use her car	1 .help (giúp ) 2. let (cho phép) 3.find( thấy) 4.seem(dường như) 5.make 6.feel (cảm thấy) (≠feel like+ V-ing) 7.look like(trông như) 8.hear(nghe) 9.observe(quan sát) 10.had better(tốt hơn) 11.smell(ngửi) 12.taste(nếm) 13.notice(chú ý) 14.watch( xem) 15.become(trở nên) 16.sound(nghe ) 17.cannot but (k còn cách nào hơn là... )

10. Would you mind \_\_\_\_\_ me how \_\_\_\_\_ the lift?  
 A. to show/ to work      B. show/ work      C. showing/ to work      D. showing/ working
11. I couldn't help \_\_\_\_\_ what you said.  
 A. overhear      B. overhearing      C. overheard      D. to overhear
12. Please go on \_\_\_\_\_. I can wait.  
 A. write      B. to write      C. wrote      D. writing
13. His doctor advised him \_\_\_\_\_ jogging.  
 A. to give up      B. give up      C. giving up      D. gave up
14. Do stop \_\_\_\_\_. I am doing my homework.  
 A. talk      B. talking      C. to talk      D. talked
15. Mrs. Jones: I don't allow my family \_\_\_\_\_ at all.  
 A. smoking      B. to smoke      C. smoked      D. smoke
16. I am beginning \_\_\_\_\_ what you mean.  
 A. to understand      B. understand      C. understanding      D. A & C
17. After walking for three hours, we stopped to let the others \_\_\_\_\_ with us.  
 A. to catch      B. catching      C. catch      D. A & B
18. Your windows need \_\_\_\_\_. Would you like me to do them for you?  
 A. to be cleaned      B. to clean      C. cleaning      D. A & C
19. It is interesting \_\_\_\_\_ a good film.  
 A. to watch      B. watching      C. watch      D. watched
20. My mother made me \_\_\_\_\_ at home at night.  
 A. staying      B. to stay      C. stayed      D. stay
21. The librarian asked us \_\_\_\_\_ so much noise.  
 A. don't make      B. not make      C. not making      D. not to make
22. I told you \_\_\_\_\_ the computer, didn't it?  
 A. to switch off      B. don't switch off      C. not switch off      D. switch off
23. He advised them \_\_\_\_\_ in the class  
 A. to not talk      B. not to talk      C. to talk not      D. don't talk
24. Judy suggested \_\_\_\_\_ for a walk but no one else wanted to.  
 A. to go      B. go      C. going      D. went
25. Tom refused \_\_\_\_\_ me any money  
 A. to give      B. give      C. gave      D. giving
26. Jill has decided not \_\_\_\_\_ a car  
 A. to buy      B. buy      C. buying      D. will buy
27. There was a lot of traffic but we managed \_\_\_\_\_ to the airport in time.  
 A. to get      B. getting      C. not to get      D. got
28. Ann offered \_\_\_\_\_ after our children while we were out  
 A. look      B. to look      C. looking      D. look to
29. Would you like \_\_\_\_\_ to the D&J coffee  
 A. to go      B. going      C. went      D. goes
30. Why hasn't Sue arrived yet? She promised not \_\_\_\_\_ late  
 A. come      B. to come      C. coming      D. came